

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chín – Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học số 1 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh GL.

Bà Nguyễn Thị Châu – Hiệu trưởng trường THCS Dân tộc nội trú huyện Đ, tỉnh GL.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh GL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh GL tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Kim - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh GL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/TLST-HS, ngày 04 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

S – T gọi khác **S**; Sinh năm: 2001, tại huyện Đ, tỉnh GL; Nơi cư trú: Làng K, xã KG, huyện Đ, tỉnh GL; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Ba na; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T, sinh năm: 1982 và con bà S, sinh năm 1975. Gia đình bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2014, bị cáo là con cả trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người đại diện hợp pháp cho bị cáo S:**

1. Ông T, sinh năm: 1982.

Trú tại: Làng K, xã KG, huyện Đ, tỉnh GL. Có mặt.

2. Bà S, sinh năm: 1975.

Trú tại: Làng K, xã KG, huyện Đ, tỉnh GL. Có mặt.

***Người bào chữa cho bị cáo S:** Bà Nguyễn Hoàng Kim Loan – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh GL. Có mặt.

*Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989.

Trú tại: Thôn 4, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh GL. Có mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông T, sinh năm: 1982.

Trú tại: Làng K, xã KG, huyện Đ, tỉnh GL. Có mặt.

2. Bà S, sinh năm: 1975.

Trú tại: Làng K, xã KG, huyện Đ, tỉnh GL. Có mặt.

*Người làm chứng:

- Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1986.

Trú tại: Thôn 4, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh GL. Có mặt.

- Anh H'L, sinh năm: 1989.

Trú tại: Làng Ng, xã TB, Tp.P, tỉnh GL. Vắng mặt.

- Anh N, sinh năm: 1980.

Trú tại: Làng K, xã H'N, huyện Đ, tỉnh GL. Vắng mặt.

- Anh D, sinh ngày: 20/01/2000.

Trú tại: Làng K, xã KG, huyện Đ, tỉnh GL. Có mặt.

*Người phiên dịch: Bà Giang Kim Pới – Cán bộ hưu trí. Có mặt.

NHẬN THẤY;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 30 phút sáng ngày 07/4/2017, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 81B1 – 071.90 (xe của ông T là bố của S) từ nhà ở Làng K, xã KG đến nhà D là bạn ở cùng làng để uống rượu do D đấm hỏi. Đến khoảng 13 giờ thì S nghỉ uống rượu và điều khiển xe mô tô đi về. Khi đến lô cao su ở cuối làng K, xã KG thì phát hiện 01 người phụ nữ (chị Nguyễn Thị T) đi xe Dream ở phía trước nên S nảy sinh ý định hiếp dâm chị T và S điều khiển xe đi theo. Khi đang đi thấy chị T dừng xe ở lô cà phê số 23 của Công ty cà phê Đ thuộc Làng K và dựng xe, thì S cũng dừng xe, giữa S với chị T cách nhau khoảng 100m, S cũng dẫu xe vào lô cà phê và mở yên xe lấy khăn thổ cẩm màu đen, dài khoảng 2m, rộng khoảng 50cm (khăn có sẵn trong cốp xe), mục đích cầm khăn là để dùng khăn không chề chị T để hiếp dâm. Sau đó S cầm khăn đi bộ vào trong lô cà phê, khi vào lô cà phê thấy chị T đang đứng trên 01 cái ghế nhựa màu xanh cầm kéo cắt cành cà phê, S đi từ phía sau lưng tới, nghe tiếng động, chị T quay lại nhìn, thấy S, chị T định bước xuống ghế, thì S cầm khăn chạy đến quàng qua người chị T giật mạnh làm chị T ngã ngửa xuống đất, S lấy khăn che mặt chị T nhưng chị T chống cự la lên: “ Cứu em với”, S nói: “im đi”, sau đó S đè lên người chị T và tay trái đè lên tay phải chị T để không cho chống cự. Lúc này tay phải chị T cầm kéo đâm từ dưới lên trúng

quai hàm phía dưới bên trái và trúng vào vùng cổ làm S chảy máu. Sau khi bị đâm, S giật lấy kéo và dùng kéo đẽ vào cổ chị T rồi nói: “ Nằm im không tao giết”, vì sợ nên chị T nằm im không nói gì, sau đó S bỏ kéo xuống đất và lấy khăn đẽ vào miệng chị T để không cho la hét thì bị chị T cắn vào ngón cái bàn tay trái, bị cắn đau, S tức giận nên dùng tay phải đâm 03 lần trúng vào mặt của chị T rồi nói: “mày im đi” nhưng chị T vẫn chống cự nên S lật sấp chị T lại rồi ngồi trên lưng chị T. S cởi ủng, quần dài, quần lót của chị T, sau đó mới cởi quần dài và quần lót của mình, rồi lật ngửa chị T lại và thực hiện hành vi giao cấu với chị T trong khoảng thời gian khoảng 1 phút. Sau khi giao cấu xong, S mặc lại quần áo, lấy khăn thấm cảm và đi đến vị trí để xe mô tô điều khiển xe đi về nhà mình ngủ. Còn chị T sau đó đã gọi điện thoại cho chồng là anh Phạm Văn T biết về việc mình bị hiếp dâm và nói anh T đến rẫy chờ chị T về. Ngày 10 tháng 4 năm 2017 chị T làm đơn trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Ngày 12 tháng 4 năm 2017 chị T đến Bệnh viện đa khoa tỉnh GL điều trị đến ngày 14 tháng 4 năm 2017 xuất viện. Đối với bị can S sau khi phạm tội, ngày 16 tháng 4 năm 2017, đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú và khai nhận hành vi của mình như trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành khám xét dấu vết trên thân thể của S thể hiện như sau:

- Vùng cằm má bên trái có vết T trầy xước da đã khô, bong tróc vảy. Đầu vết cách dải tai trái là 6,5cm, tâm vết cách mép môi trên bên trái là 7cm (vết 1)
- Cổ phía bên trái có vết T trầy xước da đã khô, bong tróc vảy, tâm vết cách vết trầy xước 1 là 4cm, cách dải tai trái là 7cm (vết 2)
- Ngón tay cái bên trái bên trong móng tay bị bầm tụ máu.

T tích của chị Nguyễn Thị T được xác định lúc vào viện:

- Tinh táo, sung bầm quanh mắt (P), sung nề đỉnh cằm (P) 0,4 x 0,6cm, sung bầm vai (T) 0,3 x 0,5cm.

Bản kết luận giám định pháp y về T tích số 153 ngày 15/6/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh GL kết luận tỷ lệ phần trăm tổn T cơ thể do T tích gây nên đối với chị T là: 1%.

Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 154 ngày 16/6/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh GL kết luận đối với chị T:

- Khám cơ quan sinh dục: Đã có gia đình, đã sinh 2 lần. Không có thương tích mới ở cơ quan sinh dục. Tử cung hơi lớn.
- Kết quả siêu âm phụ khoa ngày 15/6/2017: Hiện tại không thấy túi thai trong tử cung.
- Kết quả xét nghiệm HCG ngày 15/6/2017: Âm tính.

Tại phiếu xét nghiệm ngày 26/01/2018 của Trung tâm phòng chống HIV/AIDS thuộc Sở y tế tỉnh GL xét nghiệm HIV đối với bị can S, kết quả xét nghiệm HIV: âm tính.

Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 27/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh GL truy tố bị cáo S về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo S phạm tội “Hiếp dâm” và đề nghị:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo S từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585; 586; 590; 592 Bộ luật dân sự xử: Buộc ông T và bà S bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 47.550.000 đồng.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử tịch thu tiêu hủy 04 sợi tóc.

Trả lại cho ông T 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B1 – 071.90. Trả lại cho bà S 01 chiếc khăn thổ cẩm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 đề nghị miễn án phí Hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo S.

Người bào chữa cho bị cáo S nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát công bố về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo S và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo S tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, bản thân bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo S mức hình phạt như vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Về dân sự, và án phí người bào chữa cho bị cáo S nhất trí với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ công bố bản cáo trạng thì bị cáo S đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp tang vật vụ án

được thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an huyện Đ, với bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, biên bản khám nghiệm hiện trường và với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo S đã phạm tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người là bất khả xâm phạm, luôn được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác một cách trái pháp luật đều sẽ bị nghiêm trị. Chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu dục vọng của bản thân, lợi dụng hoàn cảnh nơi vắng người chỉ có một mình bị hại chị Nguyễn Thị T đang đứng trên ghế để cắt cành cà phê không có sự đề phòng thì bị cáo S đã dùng chiếc khăn thổ cẩm kéo chị T ngã xuống đất sau đó có những lời nói đe dọa và dùng tay đấm vào mặt làm cho chị T sợ hãi không dám chống cự rồi thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn của chị T. Hành vi của bị cáo đã xâm hại một cách nghiêm trọng về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật đã phạm vào tội “Hiếp dâm” theo khoản 1, Điều 141 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy cần phải xử cho bị cáo một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm để cải tạo bị cáo trở thành người tiến bộ và đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bên cạnh đó khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên vì vậy cần phải áp dụng Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khi xem xét lượng hình cho bị cáo.

[5] Về dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị T yêu cầu được bồi thường số tiền 47.550.000 đồng bao gồm chi phí điều trị T tích, tổn thất tinh thần, ngày công lao động, công người chăm sóc. Tại phiên tòa hôm nay ông T và bà S là bố mẹ ruột của bị cáo S và người bị hại chị Nguyễn Thị T đã thống nhất thỏa thuận bồi thường dân sự cụ thể như sau: Ông T và bà S là bố mẹ ruột của bị cáo S đồng ý bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 47.550.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận của người đại diện hợp pháp cho bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về vật chứng:

- 04 sợi tóc. Xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B1 – 071.90 và 01 chiếc khăn thổ cẩm. Xét đây là tài sản của ông T là bố của bị cáo S và của bà S mẹ bị cáo S, khi bị cáo S sử dụng và thực hiện hành vi phạm tội thì ông T và bà S không biết. Tại phiên tòa hôm nay ông T và bà S có yêu cầu xin được nhận lại những tài sản trên. Vì vậy cần trả lại xe mô tô biển kiểm soát 81B1 – 071.90 cho ông T và trả lại cho bà S 01 chiếc khăn thổ cẩm là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo S là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí và bị cáo cũng xin được miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo S miễn nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo S (**T gọi khác: S**) phạm tội “**Hiếp dâm**”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo S 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày có biên bản bắt thi hành án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585; 586; 590; 592 Bộ luật dân sự xử: buộc ông T và bà S bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 47.550.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ: Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho anh T 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B1 – 071.90, kiểu dáng Sirius, nhãn hiệu Citi Korea, loại xe hai bánh, dung tích xi lanh 110, màu sơn: đen đỏ, số máy VHLFM152FMH-V01504577, số khung RMNWCHEMN-9H004577. Trả lại cho bà S 01 chiếc khăn thổ cẩm màu đen đã cũ, dài 2,4m, rộng 0,65m.

+ Tịch thu tiêu hủy: 04 sợi tóc.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữ Công an huyện Đ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, ngày 24 tháng 4 năm 2018.

- Căn cứ: điểm đ Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo S miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2018) bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh GL để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh GL;
- VKSND tỉnh GL;
- VKSND huyện Đ;
- CA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Người đại diện HP;
- Người bào chữa;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Bùi Viết Minh Quân